

# Giá trị tích cực của Hiến pháp 1946



# Giá trị tích cực của Hiến pháp 1946

## Hiến pháp 1946 với tư tưởng pháp quyền

Nếu pháp quyền là những nguyên tắc và phương thức tổ chức quyền lực sao cho lạm quyền không thể xảy ra và quyền tự do, dân chủ của nhân dân được bảo vệ thì Hiến pháp năm 1946 đã phản ánh đúng tinh thần đó.

LTS: Sáu năm trước, lúc vừa mới ra đời, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ở vào một tình thế "ngàn cân treo sợi tóc". Vận mệnh của Tổ quốc, nền độc lập của dân tộc vừa mới giành được đang đứng trước nguy cơ mất còn. Vì vậy, ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Hồ Chủ tịch đã xác định, một trong những nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ là phải xây dựng cho được một bản Hiến pháp. Người chỉ rõ: **"Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ"**.

Để rộng đường dư luận, Tuần Việt Nam đăng lại bài viết của TS Nguyễn Sĩ Dũng trên tờ PLTPHCM hồi năm 2005 về tư tưởng pháp quyền trong Hiến pháp 1946-ra đời cách đây trên nửa thế kỷ để mọi người cùng suy ngẫm.



## **Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.**

60 năm đã trôi qua kể từ mùa thu năm ấy. Sống mãi với thời gian là các giá trị của Cách mạng tháng Tám: độc lập, tự do, dân chủ. Sống mãi với thời gian là tư tưởng pháp quyền kết tinh trong bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Bản hiến pháp đó còn được gọi là Hiến pháp 1946.

Hiến pháp 1946 là một bản hiến văn hết sức ngắn gọn, súc tích. Toàn bộ bản hiến văn chỉ gồm 70 điều. Trong đó có những điều chỉ vền vẹn một dòng. (Ví dụ Điều 12 được viết như sau: "*Quyền tư hữu tài sản của công dân Việt Nam được bảo đảm*"). Một trong những lý do giải thích sự ngắn gọn này là: *Hiến pháp 1946 đã được thiết kế theo tư tưởng pháp quyền.*

Nếu pháp quyền là những nguyên tắc và phương thức tổ chức quyền lực sao cho lạm quyền không thể xảy ra và quyền tự do, dân chủ của nhân dân được bảo vệ thì Hiến pháp năm 1946 đã phản ánh đúng tinh thần đó.

Trước hết, để lạm quyền không thể xảy ra thì hiến pháp đã được đặt cao hơn nhà nước. Về mặt lý luận, điều này có thể đạt được bằng hai cách:

- 1- Hiến pháp phải do Quốc hội lập hiến thông qua;

- 2- Hoặc hiến pháp phải do toàn dân thông qua.

Hiến pháp 1946 đã thực sự do một Quốc hội lập hiến thông qua. Theo quy định của Hiến pháp 1946, nước ta không có Quốc hội mà chỉ có Nghị viện nhân dân với nhiệm kỳ ba năm. Như vậy, nếu không có chiến tranh, sau khi thông qua hiến pháp, Quốc hội sẽ tự giải tán để tổ chức bầu Nghị viện nhân dân. Nghị viện nhân dân không thể tự mình sửa đổi Hiến pháp. Mọi sự sửa đổi, bổ sung đều phải đưa ra toàn dân phúc quyết (Điều 70 Hiến pháp 1946).

**Hai là các quyền của người dân được Hiến pháp ghi nhận và bảo đảm.** Hiến pháp ghi nhận và bảo đảm thì cao hơn là nhà nước ghi nhận và bảo đảm. Vì rằng nếu nhà nước ghi nhận và bảo đảm thì quyền chủ động là thuộc nhà nước, nhưng nếu hiến pháp ghi nhận và bảo đảm thì nhà nước không có quyền chủ động ở đây.

**Ba là quyền năng giữa các cơ quan nhà nước được phân chia khá rõ và nhiều cơ chế kiểm tra và giám sát lẫn nhau đã được thiết kế.** Ví dụ "quyền kiểm soát và phê bình Chính phủ" của Ban thường vụ Nghị viện (Điều 36 Hiến pháp 1946); quyền của "nghị viên không bị truy tố vì lời nói hay biểu quyết trong Nghị viện" (Điều 40 Hiến pháp 1946); Thủ tướng có quyền nêu vấn đề tín nhiệm để Nghị viện biểu quyết (Điều 54 Hiến pháp 1946)...

Bốn là quyền năng giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương cũng được phân chia rất rõ. Nghị viện nhân dân chỉ quyết định những vấn đề "*chung*

cho toàn quốc" (Điều 23 Hiến pháp 1946). Hội đồng nhân dân được quyền quyết định "những vấn đề thuộc địa phương mình" (Điều 59 Hiến pháp 1946).

Cuối cùng, **vai trò độc lập xét xử của toà án được bảo đảm**. Điều này đạt được nhờ hai cách: một là các toà được thiết kế không theo cấp hành chính (Điều 63 Hiến pháp 1946); hai là khi xét xử, thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không được can thiệp" (Điều 69 Hiến pháp 1946).

### **Đọc và nghe Tuyên ngôn Độc lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa**

Sáu lăm năm trước, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Hồ Chủ tịch đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, mở đầu cho một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc Việt Nam. Đó là áng văn bất hủ góp phần làm nên cốt cách Hồ Chí Minh và tâm hồn dân tộc Việt Nam.

*LTS: Sáu lăm năm đã qua từ ngày bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945 được công bố vào ngày 2-9-1945 với giọng đọc trang trọng, ấm áp của Bác Hồ, bản Tuyên ngôn đã đi vào lòng người Việt Nam như sự ngộ ra một niềm tin sức mạnh của dân tộc và tương lai tươi đẹp. Đó không chỉ là áng văn bất hủ mà còn chứa đựng giá trị tư tưởng góp phần làm nên cốt cách Hồ Chí Minh và tâm hồn dân tộc Việt Nam. Mời quý vị cùng Tuần Việt Nam đọc và nghe lại bản Tuyên ngôn Độc lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.*

Hội đồng bào cả nước,

Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

Lời bất hủ ấy trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.



Bản Tuyên ngôn độc lập là áng văn bất hủ góp phần làm nên cốt cách Hồ Chí Minh và

tâm hồn dân tộc Việt Nam. Ảnh: tư liệu.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa. Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng lại thẳng tay khùng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp



chạy qua biên thù, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi, chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

## **HIẾN PHÁP 1946 - THÀNH TỰU ĐỘC ĐÁO VỀ TƯ TƯỞNG - BÀI 1: Bản hiến pháp “vang vọng tiếng dân”**

LTS: Trong nhiều thành tựu mà nhà nước cách mạng non trẻ đạt được sau khi giành chính quyền 1945 có một “tài sản” đặc biệt:

**Bản hiến pháp đầu tiên của một nhà nước độc lập được soạn thảo bởi những người mang tư tưởng tự do, bình đẳng, dân chủ, đồng thời là những người đầu tiên điều hành nhà nước. Đến nay, sau hơn nửa thế kỷ, nhiều tư tưởng mang tầm thời đại của Hiến pháp 1946 vẫn được nghiên cứu, soi rọi. Không có tham vọng đánh giá toàn bộ văn bản này, loạt bài của Pháp Luật TP.HCM hy vọng như những lát cắt để người đọc hiểu thêm tầm vóc tư tưởng của**

**những con người áo vải đã dám “tuyên bố với thế giới” về quyền bình đẳng của mình.**

Nói về Hiến pháp 1946, rất nhiều người cho rằng đó là hiến pháp nhân bản nhất, dân chủ nhất và đoàn kết dân tộc nhất. Không chỉ thế, bản hiến pháp đầu tiên của Việt Nam còn được hình thành, soạn thảo và thông qua trong một hoàn cảnh lịch sử đầy cam go, gian khổ nhưng vẫn đảm bảo tinh thần “dân là gốc”, dân là tất cả.

### **Dấu ấn Hồ Chí Minh**

Theo PGS-NGND Lê Mậu Hãn, *“nói tới Hiến pháp 1946 là phải nói tới Hồ Chí Minh và cuộc Tổng tuyển cử 1946”*. Bản hiến pháp đầu tiên của Việt Nam ra đời năm 1946 nhưng tư tưởng của Hồ Chí Minh về một nhà nước dân chủ cộng hòa, một chính quyền của toàn dân thì đã hình thành từ rất lâu trước đó. Ngay từ năm 1919, khi gửi **“Bản yêu sách của nhân dân An Nam”** đến Hội nghị Versailles, Người đã thể hiện tư tưởng lập hiến của mình. Trong tám điều yêu sách, điều thứ bảy yêu cầu phải có hiến pháp cho nhân dân Việt Nam: *“Bảy xin hiến pháp ban hành/ Trăm điều phải có thân linh pháp quyền”* (Việt Nam yêu cầu ca - diễn ca của bản yêu sách do Hồ Chí Minh soạn để tuyên truyền).

Ngày 3-9-1945, chỉ một ngày sau lễ tuyên bố độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói tới việc “phải có một hiến pháp dân chủ” và đề nghị Chính phủ “tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu” để bầu ra Quốc dân đại hội xây dựng hiến pháp.



*Các ứng cử viên đại biểu Quốc hội khóa I trong lễ ra mắt cử tri tại Việt Nam học xá (nay là trường Đại học Bách khoa Hà Nội). (Ảnh tư liệu trong sách ảnh 60 năm chính phủ Việt Nam của Nhà xuất bản Thông Tấn)*

Ngày 8-9-1945, Chính phủ ra Sắc lệnh 14-SL nêu rõ: “... nhân dân Việt Nam do Quốc dân đại hội thay mặt là quyền lực tối cao để ấn định cho nước Việt Nam một hiến pháp dân chủ cộng hòa”. Sắc lệnh cũng tuyên bố tiến hành Tổng tuyển cử.

### **Cuộc Tổng tuyển cử lịch sử**

Và cuộc Tổng tuyển cử lịch sử (ngày 6-1-1946) - nơi ngọn nguồn phản ánh tinh thần Hiến pháp 1946 - đã diễn ra trong tình hình chính trị - kinh tế - xã hội cực kỳ khó khăn, trong hoàn cảnh thù trong, giặc ngoài. Đó thực chất là một cuộc đấu tranh hết sức quyết liệt để bảo vệ quyền làm chủ của người dân, quyền tự quyết của dân tộc. Về đối nội, các tài liệu về lịch sử Quốc hội ghi lại: Các báo phản động như *Việt Nam*, *Thiết Thực*, *Đồng Tâm*... (của hai đảng Việt Quốc, Việt Cách) nói

xấu Việt Minh quyết liệt, kêu gọi tẩy chay Tổng tuyển cử vì cho là trình độ dân trí của nước ta còn thấp, quần chúng không đủ năng lực thực hiện quyền công dân, cần tập trung chống Pháp chứ không nên mất thì giờ vào bầu cử v.v...

Đáp lại, báo *Cứu Quốc* của Mặt trận Việt Minh số ra ngày 24-11-1945 khẳng định: *“Chỉ Tổng tuyển cử mới để cho dân chúng có dịp nói hết những ý muốn của họ (...). Sau hết, cũng chỉ có Tổng tuyển cử mới có thể cấp cho nước Việt Nam một hiến pháp mới ấn định rõ ràng quyền lợi của quốc dân...”*.

Về đối ngoại, ở miền Bắc, Tàu Tưởng và tay sai ra sức gây rối, phá hoại Tổng tuyển cử (cướp hòm phiếu, hành hung tự vệ tại Hải Phòng). Ở Nam Bộ, thực dân Pháp khủng bố ác liệt, ném bom nhiều nơi. Hàng chục người đã chết và bị thương nhưng người dân vẫn đi bỏ phiếu lưu động, đổ xương máu thực hiện quyền tự do dân chủ. 89% cử tri trên cả nước đã đi bầu, có nhiều nơi tới 95%.

Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam ra đời như thế.



Các đại biểu Quốc hội khóa I (từ trái sang phải) *Nguyễn Văn Tố, Bùi Bằng Đoàn, Tôn Đức Thắng.*

Chính Quốc hội này, vào sáng 2-3-1946, đã họp kỳ họp đầu tiên với thời gian ngắn kỷ lục: 4 tiếng đồng hồ, trong hoàn cảnh nền độc lập nước nhà bị thực dân Pháp lăm le xâm phạm. Tại đây, Quốc hội bầu ban dự thảo hiến pháp gồm 11 người: **Trần Duy Hưng, Tôn Quang Phiệt, Đỗ Đức Dục, Cù Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Huỳnh Bá Nhung, Trần Tấn Thọ, Nguyễn Cao Hách, Đào Hữu Dương, Phạm Gia Đổ, Nguyễn Thị Thục Viên.** Tất cả đều là những nhà trí thức, đại diện cho các đảng phái khác nhau (như Phạm Gia Đổ là thành viên Việt Nam Quốc dân Đảng, tức Việt Quốc).

### **Quyết liệt và dân chủ**

Theo PGS-NGND Lê Mậu Hãn, những người soạn thảo Hiến pháp 1946 đều là trí thức xuất thân từ hệ thống đào tạo của Pháp, hấp thu tư tưởng phương Tây nên có thể nói bản hiến pháp có tinh thần dân chủ, pháp quyền rõ nét.

Ban dự thảo hiến pháp đã soạn bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam cũng trong một thời gian rất ngắn, chỉ có vài tháng và bắt đầu công bố trước Quốc hội từ ngày 2-11-1946. Đỗ Đức Dục là người thuyết trình. Đại diện của các đảng trong Quốc hội cho ý kiến đánh giá và phản biện: Hồ Đức Thành - đại diện Việt Nam Cách mạng đồng minh hội tức Việt Cách, Hoàng Văn Đức - đại diện nhóm dân

chủ, Lê Thị Xuyên - đại diện nhóm xã hội, Nguyễn Đình Thi - đại diện Việt Minh, Trần Trung Dung - đại diện Việt Quốc, Trần Huy Liệu - đại diện nhóm mácxít.

Theo các tài liệu về lịch sử Quốc hội Việt Nam khóa I, quá trình tranh luận, tranh cãi để thông qua Hiến pháp 1946 diễn ra quyết liệt và dân chủ. PGS-NGND Lê Mậu Hãn cho biết bàn thảo căng thẳng nhất là ở việc quyết “một viện hay hai viện”. Chẳng hạn, Trần Trung Dung không đồng ý với chế độ một viện, sợ chế độ này không thích hợp với Việt Nam nơi dân chúng chưa được huấn luyện nhiều về chính trị. Phạm Gia Đổ cũng phản đối chế độ một viện vì coi đó là **“độc tài của đa số”**. Tuy nhiên, phần đông đại biểu lại tán thành một viện. Đào Trọng Kim nói rằng một viện là phù hợp, “chế độ tập quyền và phân công rất thích hợp để có thể ứng phó mau lẹ với thời cuộc”...

### **Do chiến tranh nên chưa thi hành Hiến pháp 1946**

Do hoàn cảnh chiến tranh đang lan rộng nên Quốc hội khóa I kỳ họp thứ nhất, mặc dù thông qua hiến pháp (ngày 9-11-1946), đã quyết định không đưa hiến pháp ra trưng cầu dân ý, đồng thời biểu quyết chưa ban hành, thi hành hiến pháp ngay. Việc bầu Nghị viện nhân dân (Điều 24 quy định nghị viện do công dân Việt Nam bầu ra, ba năm một lần) cũng không thể tổ chức được.

Sau nhiều buổi thảo luận và tranh luận từng điều cụ thể, tới ngày 9-11-1946, Quốc hội đã biểu quyết thông qua bản hiến pháp đầu tiên với 240/242 phiếu thuận. Hai phiếu không tán thành là của Nguyễn Sơn Hà và Phạm Gia Đổ. Đại biểu Nguyễn

Sơn Hà bỏ phiếu chống vì hiến pháp không có điều nói về tự do kinh doanh. Còn đại biểu Phạm Gia Đỗ bảo lưu việc phản đối chế độ một viện. Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu: *“Hơn 10 ngày nay, các đại biểu đã khó nhọc làm việc. Quốc hội đã thu được một kết quả làm vẻ vang cho đất nước là đã thảo luận xong bản hiến pháp”*. Tuy “chưa hoàn toàn” nhưng nó “tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập, dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do (...), phụ nữ Việt Nam đã được ngang hàng với đàn ông để hưởng chung mọi quyền tự do đó của một công dân”.

Đánh giá về Hiến pháp 1946, nhiều chuyên gia cùng chung nhận định được soạn thảo và thông qua một cách dân chủ, bởi một Quốc hội được bầu ra một cách dân chủ, Hiến pháp 1946 là bản hiến pháp có rất nhiều giá trị. **Nó khẳng định quyền tự do, quyền làm chủ đất nước của toàn dân, thể hiện sâu sắc tư tưởng giải phóng dân tộc, độc lập - tự do của Chủ tịch Hồ Chí Minh.** Còn TS luật Phạm Duy Nghĩa, trong một bài trả lời phỏng vấn báo *Tuổi Trẻ*, đã gọi đó là bản hiến pháp mà “mỗi câu chữ đều vang vọng tiếng dân”.

### **Nhân dân có quyền phúc quyết hiến pháp**

Nhiều nhà nghiên cứu, xây dựng pháp luật cho rằng: Các Hiến pháp sửa đổi, bổ sung sau này đã có sự thay đổi rất lớn khi quyền lập hiến từ dân được chuyển sang Quốc hội.

Đó là “sự xa rời rất lớn, rất cơ bản về người chủ đích thực của đất nước”.



Lời nói đầu của Hiến pháp 1946 ghi rõ: **“Được quốc dân trao cho trách nhiệm thảo bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Quốc hội nhận thấy rằng...”**.

### **Quốc hội tự giao quyền lập hiến cho mình?**

Như vậy, chủ thể của quyền lập hiến (làm hiến pháp) là quốc dân. Quốc hội được quốc dân bầu ra để ban hành Hiến pháp 1946 là Quốc hội lập hiến, không phải là Quốc hội lập pháp. Còn “Nghị viện nhân dân” ở chương III là Quốc hội lập pháp, “đặt ra pháp luật”; chứ Hiến pháp không quy định Nghị viện nhân dân có quyền lập hiến.

Hiến pháp 1946 không cho phép cơ quan nào của chính quyền đơn phương sửa đổi Hiến pháp. Điều 70 của Hiến pháp 1946 quy định: “Sửa đổi Hiến pháp phải “do hai phần ba tổng số nghị viên yêu cầu”, “Nghị viện bầu ra một Ban dự thảo những điều thay đổi” và đặc biệt, “những điều đã được thay đổi khi đã được Nghị viện ưng chuẩn thì phải đưa ra toàn dân phúc quyết”.

**Nhưng các Hiến pháp sửa đổi sau này lại quy định Quốc hội có quyền lập hiến.**

Cụ thể, Điều 43, 44 và 50 của Hiến pháp 1959 ghi: “Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, là cơ quan duy nhất “có quyền lập pháp”, có quyền “làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp”.

Điều 6 của Hiến pháp 1980 quy định: “Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và HĐND là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân”.

Điều 82 của Hiến pháp 1980 và Điều 83 của Hiến pháp 1992 quy định: “Quốc hội là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp”...



*Nhân dân Hà Nội bỏ phiếu bầu Quốc hội khóa I ngày 6-1-1946. Ảnh: TƯ LIỆU*

Nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An cho rằng đã có sự thay đổi rất lớn khi quyền lập hiến từ dân được chuyển sang Quốc hội. Chỉ có dân mới có quyền đó, song lại chưa hề có văn bản nào chuyển quyền lập hiến của dân sang Quốc hội cả, mà chính Quốc hội tự quyết định giao quyền lập hiến cho mình. Trong một bài trả lời phỏng vấn báo *VietNamNet*, ông nói đó là “sự xa rời rất lớn, rất cơ bản về

người chủ đích thực của đất nước”, “đã chuyển từ dân chủ thành Quốc hội chủ. Quốc hội vừa lập hiến vừa lập pháp; người ta gọi như thế là vừa đá bóng vừa thổi còi”.

### **Cơ chế kiểm tra, giám sát lẫn nhau**

Tại Hiến pháp 1946, quyền năng giữa các cơ quan nhà nước được phân chia khá rõ và nhiều cơ chế kiểm tra và giám sát lẫn nhau đã được thiết kế. Ví dụ: “**Quyền kiểm soát và phê bình Chính phủ**” của Ban thường vụ Nghị viện; quyền của “nghị viên không bị truy tố vì lời nói hay biểu quyết trong Nghị viện”; Chủ tịch nước - là nguyên thủ quốc gia, đứng đầu cơ quan hành pháp có thể từ chối công bố các đạo luật do Quốc hội ban hành và yêu cầu Quốc hội thảo luận lại...

Theo Điều 49 Hiến pháp 1946, *Chủ tịch nước có quyền thay mặt cho nước về đối nội, đối ngoại, giữ quyền tổng chỉ huy quân đội toàn quốc, ký sắc lệnh bổ nhiệm Thủ tướng, là chủ tịch Hội đồng Chính phủ, ký hiệp ước với các nước...* Điều 50 của Hiến pháp 1946 cũng ghi: “Chủ tịch nước không phải chịu một trách nhiệm nào, trừ khi phạm tội phản quốc”...

Tuy nhiên, các Hiến pháp sửa đổi sau này đều giảm nhẹ vai trò của Chủ tịch nước, không đề rõ thực chất quyền của một nguyên thủ quốc gia. Chủ tịch nước thay mặt cho nhà nước về đối nội và đối ngoại nhưng thực tế Tổng Bí thư mới là người thống lĩnh lực lượng vũ trang, Thủ tướng Chính phủ thường được coi là người

đứng đầu cơ quan hành pháp. Còn cơ quan tư pháp, trong thực tiễn thì nó yếu thế hơn các cơ quan lập pháp và hành pháp và bị chi phối trong xét xử.

### **Cần có cơ chế bảo hiến**

Ông Nguyễn Cảnh Bình, soạn giả cuốn , nhận định: **“Hiến pháp của nước Mỹ là bản hiến pháp lâu đời nhất và nổi tiếng nhất với trên 200 năm lịch sử, trong khi các bản hiến pháp hiện nay của Pháp, Đức, Nhật, Nga đều mới mẻ và có thời gian tồn tại chưa lâu. Tôi cho rằng tính ổn định cao của Hiến pháp Mỹ có nguyên nhân cơ bản là nước Mỹ bảo vệ hiến pháp rất chặt. Theo tôi, cả quá trình biên soạn lẫn quá trình áp dụng và bảo vệ hiến pháp trong thực tiễn đều giữ vai trò vô cùng quan trọng”**.

Đối với Việt Nam, TS Nguyễn Đình Lộc, nguyên Bộ trưởng Tư pháp, nguyên Trưởng tiểu ban biên tập Hiến pháp 1992, nguyên thành viên của Ban Thư ký soạn thảo Hiến pháp 1980, trong một lần trả lời báo *Sài Gòn Tiếp Thị* năm 2007 đã nhận xét chúng ta “không có truyền thống hiến pháp và có thể đó là lý do khiến cho hiến pháp của ta rất hay thay đổi theo hoàn cảnh lịch sử”. PGS-TS Nguyễn Đăng Dung, ĐH Quốc gia Hà Nội, cũng thẳng thắn nhận định rằng: “Những Hiến pháp sau này - 1959, 1980, 1992 có chăng chỉ là sự sửa đổi cho phù hợp với sự phát triển của thời hiện đại theo nhận định của Đảng, của giai cấp cầm quyền”.

Do chưa có cơ chế bảo hiến, Hiến pháp của Việt Nam thường bị thay đổi theo hoàn cảnh lịch sử và cũng dễ bị vi phạm. Chẳng hạn, nhìn lại Luật Cải cách ruộng

đất (thông qua ngày 4-12-1953) có thể thấy nó trái với Điều 12 của **Hiến pháp 1946 về đảm bảo quyền tư hữu tài sản**, nói cách khác là nó “vi hiến”. Hoặc năm 1989, thực hiện Đổi mới, chúng ta mở cửa cho tư bản nước ngoài đầu tư trong khi Hiến pháp 1980 quy định: “Nhà nước độc quyền về ngoại thương”. Mở cửa cho đầu tư nước ngoài là một chính sách đúng nhưng nếu muốn hợp hiến thì đúng ra là phải sửa Hiến pháp trước.

Nhiều chuyên gia đã lên tiếng đề nghị có cơ chế bảo hiến, thành lập một cơ quan độc lập, một tòa án đưa ra những phán quyết khi Hiến pháp bị vi phạm.

### **Nhiều cái đã có từ Hiến pháp 1946**

Những bản Hiến pháp sau này có sự ảnh hưởng rất lớn của lý thuyết XHCN, chúng ta gọi thời kỳ đó là thời kỳ tập trung, bao cấp, kế hoạch hóa, tất cả đều đưa về nhà nước. Cái quan trọng nhất là chúng ta không thừa nhận sở hữu tư nhân (cho đến Hiến pháp 1992). Tất cả những điều đó tạo nên sự trì trệ, làm hạn chế sự phát triển của đất nước.

Đành rằng bản Hiến pháp 1959 có những tác dụng nhất định trong việc tập trung mọi nguồn lực cho cuộc chiến để giành độc lập. Nhưng sau khi giải phóng xong thì nó không tạo đà cho sự phát triển, dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội của thập niên 80 thế kỷ trước. Nếu so sánh với bản Hiến pháp 1992 thừa nhận sở hữu tư nhân, thừa nhận nền kinh tế thị trường... thì thực ra những cái đó đã có từ Hiến pháp 1946.

## **Quyền lực nhà nước thống nhất ở nơi dân**

Giá trị lớn nhất của bản hiến pháp này được giới học giả khẳng định là đã khẳng định nguyên lý mọi quyền bính thuộc về dân và tổ chức quyền lực nhà nước theo lý thuyết tam quyền rạch ròi, kiểm soát lẫn nhau. Giá trị ấy có thể giúp soi rọi gì cho đợt nghiên cứu, sửa đổi Hiến pháp 1992 hiện nay?

Điều đầu tiên trong Chương I của Hiến pháp 1946 nêu rõ: “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”.

## **Nhân dân phải là chủ thể của quyền lực nhà nước**

Trong những quyền bính ấy, Điều 21 cụ thể hóa một quyền quan trọng: “Nhân dân có quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia”. GS-TS Trần Ngọc Đường phân tích: Ở Hiến pháp 1946, nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước. Nhân dân chỉ giao cho Quốc hội, Chính phủ và tư pháp những quyền hạn, trách nhiệm trong hiến pháp và thực hiện việc giao quyền đó thông qua việc phúc quyết về hiến pháp.

Các bản hiến pháp sau này vẫn đề rằng quyền lực thuộc về nhân dân nhưng lại quy định nhân dân chỉ có thể sử dụng quyền lực ấy thông qua Quốc hội và hội đồng nhân dân.

GS-TS Trần Ngọc Đường nhận xét: “Quốc hội có toàn quyền làm và sửa đổi hiến pháp. Thậm chí theo Hiến pháp 1980, Quốc hội còn được tự định cho mình những nhiệm vụ, quyền hạn khác khi xét thấy cần thiết - tức là Quốc hội có toàn quyền. Quan niệm như thế nghĩa là nhân dân trao hết quyền lực của mình cho Quốc hội thông qua việc bầu cử. Bầu xong là dân hết quyền”. Do vậy, theo ông, nghiên cứu sửa đổi Hiến pháp tới đây cần tập trung khẳng định rõ hơn tinh thần của Hiến pháp 1946: Quyền lực nhà nước thống nhất ở nơi dân, thuộc về nhân dân. Trong đó, dĩ nhiên có quyền phúc quyết hiến pháp.

Nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An gần đây cũng góp ý rằng lần sửa hiến pháp sắp tới không nên quy định Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến nữa. Điều này là để nhân dân thực hiện quyền lực của mình, thực hiện việc phân công trách nhiệm cho lập pháp, hành pháp, tư pháp thông qua phúc quyết hiến pháp.

Có một thực tế là trong lịch sử hiến pháp Việt Nam, chưa hiến pháp nào được đưa ra phúc quyết. Bản hiến pháp quy định “nhân dân có quyền phúc quyết” thì do hoàn cảnh chiến tranh (năm 1946) đã không được ban hành, do đó không có giá trị ràng buộc về pháp lý.

### **Chưa kiểm soát hiệu quả quyền lực**

Hiến pháp 1946 cũng thể hiện rõ việc tổ chức nhà nước theo nguyên tắc tam quyền kiểm soát lẫn nhau với những quy định hết sức tiến bộ. Chẳng hạn, Nghị viện nhân

dân có quyền “đặt ra các pháp luật, biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước mà Chính phủ ký với nước ngoài” (Điều 23, Chương III, Nghị viện nhân dân); Chính phủ “thi hành các đạo luật và quyết nghị của Nghị viện”, “đề nghị những dự án luật ra trước Nghị viện” (Điều 52, Chương IV, Chính phủ); “trong khi xét xử, các viên thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không được can thiệp” (Điều 69, Chương VI, Cơ quan tư pháp).

Với tư tưởng ba nhánh quyền lực kiểm soát lẫn nhau của bản hiến pháp này, hoàn toàn không có chuyện cơ quan hành chính được tự ý ban hành văn bản dưới luật.

Về điểm này, TS Phạm Duy Nghĩa, ĐH Quốc gia Hà Nội, từng phát biểu trên báo *Tuổi Trẻ*: “Hiến pháp nói nôm na là một bản hợp đồng mà người dân cử đại diện của mình soạn ra để “thuê” nhà nước quản lý xã hội. Vì vậy tối kỵ việc các cơ quan hành chính tự ý ban hành các văn bản dưới luật để hạn chế quyền hạn của dân trong khi hiến pháp và pháp luật không cấm. Mặt khác, phải xem nhà nước cũng là một chủ thể chịu sự chi phối của pháp luật”.

Do vậy, việc nghiên cứu, sửa đổi Hiến pháp 1992, theo nhiều chuyên gia, cũng cần đặt lại nguyên tắc rạch ròi giữa ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. “Chủ trương của Đảng là phân công một cách rành mạch, rõ ràng các nhánh quyền lực nhà nước nhưng thực tế chưa thành công, chưa kiểm soát hiệu quả quyền lực nhà nước, chưa đề cao được trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước” - ông Trần Ngọc Đường nói.



Việc sửa đổi hiến pháp sắp tới đây cụ thể như thế nào sẽ tùy thuộc vào quan điểm chính trị của các nhà lãnh đạo. Ý kiến cá nhân ông Trần Ngọc Đường cho rằng: “Với tư tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền do dân, vì dân; mọi quyền bính thuộc về dân, quyền lực nhà nước thống nhất nơi dân, phân công rạch ròi lập pháp, hành pháp, tư pháp... thì trước sau việc đưa phúc quyết vào hiến pháp và xây dựng luật trung cầu dân ý sẽ thành hiện thực. Đây là quy luật phát triển mà lịch sử nhân loại đã chứng minh”.

-----

### **Sửa hiến pháp mới làm được luật trung cầu dân ý**

Luật trung cầu dân ý chưa trình được Quốc hội có nhiều lý do. Thứ nhất, giới nghiên cứu thấy cần có luật để cụ thể hóa những quyền dân chủ trực tiếp của dân, để người dân thực hiện quyền lực nhà nước của mình một cách trực tiếp nhưng nếu quy định không phù hợp thì việc thực hiện sẽ mang tính hình thức. Trong điều kiện hôm nay, vấn đề gì đưa ra trung cầu dân ý còn có ý kiến rất khác nhau. Nhà chính trị phải cân nhắc lựa chọn cho phù hợp.

**Thứ hai**, luật trung cầu dân ý có ban hành chưa chắc đã đồng bộ với hiến pháp. Hiến pháp hiện hành không quy định phúc quyết hiến pháp thì làm sao đưa được vấn đề quan trọng này vào luật. Do vậy phải sửa hiến pháp để mở đường cho việc phúc quyết hiến pháp được thể hiện trong luật trung cầu dân ý.

## **GS-TS TRẦN NGỌC ĐƯỜNG**

### **Năm vấn đề khi sửa Hiến pháp 1992**

Đầu tiên, phải làm rõ xem Hiến pháp 1992 đã thể hiện quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng nhà nước kiểu mới chưa. Đó phải là nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân; quyền lực nhà nước thống nhất và có sự phân công rạch ròi hành pháp, lập pháp, tư pháp, cũng như có sự kiểm soát chặt chẽ.

Thứ hai, mối quan hệ giữa chính trị và kinh tế trong điều kiện mở cửa hội nhập đã thực sự phù hợp chưa, sắp tới phải thể hiện trong hiến pháp thế nào.

Thứ ba, xem xét sự kế thừa, phát triển của bốn bản hiến pháp trước đây, trong đó lưu ý Hiến pháp năm 1946.

Thứ tư, xem xét tính thống nhất và vai trò chỉ đạo hệ thống pháp luật của hiến pháp. Nguyên tắc của nhà nước pháp quyền là tính tối thượng của hiến pháp. Vậy thì phải đánh giá xem có những văn bản nào vi hiến, có nên lập tòa án bảo hiến không.

Thứ năm, nghiên cứu về hình thức thể hiện bản hiến pháp.

### **Bản Hiến pháp sáu mươi năm trước và những món nợ lịch sử**

Năm 1946, người Việt Nam đã có **một bản hiến văn dân chủ vào loại bậc nhất Đông Nam Châu Á** lúc bấy giờ. Chỉ tiếc rằng sáu thập kỷ tiếp theo dân tộc ta đã không có cơ hội đi xa hơn trong chủ nghĩa lập hiến.

Nhiều sự thật liên quan đến bản hiến văn ấy dường như vẫn chưa được soi rọi đầy đủ. Ngày xuân, bài viết dưới đây góp vài lời bàn về ba điều chưa thật rõ xung quanh Hiến pháp 1946.

Hồ Chí Minh - một người cộng sản đã từng làm việc cho Đệ tam quốc tế, chắc chắn ít hay nhiều phải chịu các ảnh hưởng lập pháp đã diễn ra thời đó tại Liên Xô. Giã từ Hiến pháp 1924 với nhiều tư tưởng của Lê-nin, Liên Xô đã bước sang thời kỳ của Hiến pháp 1936 dưới ảnh hưởng đáng kể của Stalin.

Bản Hiến pháp 1936 cũng như Hiến pháp 1977 sau này của Liên Xô đều là những cương lĩnh chính trị ghi nhận vai trò lãnh đạo xã hội của Đảng Cộng Sản trong một nhà nước công nông, ghi nhận sở hữu toàn dân, hệ thống nông trang kiểu hợp tác xã được xác lập. Từ 07 thành viên, thu nạp thêm Môn-đa-vi và 03 nước Ban-tích, trong những năm 40 của thế kỷ trước có lẽ Liên Xô đang ở trong giai đoạn bành trướng sức mạnh, ảnh hưởng của Stalin đến toàn thế giới chắc là không thể nhỏ.

Ấy vậy mà thật thú vị là tất cả 70 điều của Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều không hề có bóng dáng của Hiến pháp Liên Xô 1936. Thậm chí so với những gì đã diễn ra trong lịch sử pháp luật ở Trung Hoa lục địa

sau khi Đảng Cộng Sản thu tóm quyền lực quốc gia năm 1949, có thể thấy bản hiến văn năm 1946 của Việt Nam chứa đựng những tư tưởng dân chủ hơn hẳn.

Người ta thấy những dấu hiệu phân chia và đối trọng quyền lực, thấy rõ ***thái độ thượng tôn và tiếp nối truyền thống tư pháp đã có từ thời thực dân, chứ tuyệt nhiên không phủ nhận và xây mới hoàn toàn*** như Mao Trạch Đông đã làm với hệ thống pháp luật thời Quốc dân đảng. Nhiều người giải thích bản hiến văn 1946 như một **thỏa hiệp cho giai đoạn dân chủ nhân dân**, một bước đệm cho cuộc cách mạng vô sản sẽ diễn ra sau đó. Đó là sự suy diễn lô-gích một chiều, thường là của các nhà soạn sử khi Đảng đã có thực quyền. Người ta cũng có thể giải thích bởi những đóng góp của nhân sĩ yêu nước không cộng sản đã được tập hợp dưới ngọn cờ độc lập dân tộc vào việc soạn thảo bản hiến văn này.

Cũng có thể, như một giấc mơ tránh đổ máu và chiến tranh lan rộng, Hồ Chí Minh mong muốn cho Việt Nam một bản hiến văn để có thể chung sống trong một Liên hiệp Pháp. Cũng có thể do mối quan hệ cá nhân giữa các lãnh tụ Hồ Chí Minh và Stalin, hoặc do mối quan tâm không đáng kể của Stalin đến khu vực Đông Dương, tất cả những ẩn số đó có thể giải thích thêm cho sự thật rằng Hiến pháp 1946 rất ít chịu ảnh hưởng của Liên Xô.

Nếu không chịu ảnh hưởng của Liên Xô, thì ngược lại những bước đi chập chững đầu tiên của Việt Minh và sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa lại có sự góp mặt và chứng kiến đáng kể của người Mỹ. **Những dấu ấn của chúng có thể**

**thấy ở Tuyên ngôn độc lập và bản hiến văn năm 1946.** Điều trớ trêu và đầy bi kịch này ít được nhắc đến trong sử liệu của Việt Nam. Dường như người Mỹ đã cung cấp chẳng những khí tài, mà cả tư tưởng và những hy vọng độc lập cho các nhóm vũ trang chống thực dân và phát xít.

Chỉ tiếc rằng sau cái chết của Roosevelt vào tháng 4 năm 1945, chính quyền Mỹ đã nhân nhượng đáng kể quyền lợi của thực dân, thậm chí công khai đứng sau các thế lực thực dân để đàn áp các lực lượng kháng chiến ở Việt Nam. Một bi kịch lớn, có lẽ chẳng riêng cho người Mỹ. Người ta thấy vai trò và quyền lực của chủ tịch nước rất lớn. Chủ tịch nước theo Hiến pháp năm 1946 không chịu trách nhiệm trước Quốc hội, không thể bị khởi tố trừ tội phản quốc, có thể từ chối công bố các đạo luật do Quốc hội ban hành và yêu cầu Quốc hội thảo luận lại.

Vị trí này làm cho người ta **liên tưởng đến quyền lực của tổng thống theo Hiến pháp nước Mỹ hơn là chế độ đại nghị của người Pháp.** Điều này đã giảm đi rất đáng kể trong các bản hiến văn theo mô hình Xô Viết sau này, chủ tịch nước chỉ có chức năng nghi lễ mà ít mang tính quyền lực. Những vấn đề này dường như ít được giới sử học Việt Nam quan tâm. Nước nhỏ, dân tộc nhỏ chỉ có thể hiểu lịch sử của chính mình trong chao đảo quyền lực giữa các nước lớn.

Bản Hiến pháp 1946 được thông qua chỉ có hơn 1 tháng trước ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, người Pháp bắt đầu cuộc đàn áp vũ lực. Khi ấy quân Tưởng đã rút, mâu thuẫn đôi khi đẫm máu giữa Việt Quốc, Việt Cách và Việt Minh dường

nư cũng đã được dẹp sang một bên, người ta đã thấy xu hướng chính phủ kháng chiến dường như hoàn toàn do Đảng cộng sản kiểm soát.

Từ đây xuất hiện câu hỏi liệu bản hiến văn này có còn giá trị trong thời kỳ kháng chiến và thực sự những người cầm quyền có muốn tuân thủ nó nữa hay không. Quốc hội tuy đã thông qua, song không công bố và đưa bản hiến văn này cho toàn dân phúc quyết, bởi vậy nó chưa thể có hiệu lực về phương diện pháp lý.

Các tiền đề chính trị-xã hội đã không còn tồn tại để bản hiến văn năm 1946 có thể có hiệu lực ngay sau khi nó vừa được ban hành. Bản hiến văn ấy chưa từng được sửa theo cách thức mà nó đề nghị; nó đã bị thay thế bởi những tuyên bố chính trị khác.

Người Việt Nam đã có ít nhất 04 bản hiến pháp (nếu không kể tới các bản hiến pháp của chính quyền Sài Gòn). Ấy vậy mà dân tộc ta dường như vẫn chưa có may mắn được làm quen với tư tưởng lập hiến. Hiến pháp 1946 đã có thể là một bản khế ước tốt để ràng buộc và khống chế công bộc với lợi ích của ông chủ nhân dân.

Nó chỉ lóe lên như một ánh chớp trước tiếng súng đêm kháng chiến mà dường như có rất ít giá trị thực tế. Chỉ khi bàn nhiều về chủ quyền nhân dân, sáu mươi năm sau ngày thành lập nước Việt Nam mới, người ta bỗng nhớ tới bản hiến văn này với những ước mong và hoài niệm.

